

Toàn tâm chăm sóc  
Toàn ý yêu thương



**BẢO HIỂM**

**CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7**

# SỨC KHỎE LÀ NỀN TẢNG CỦA HẠNH PHÚC

Thành công và hạnh phúc chỉ thực sự trọn vẹn khi bạn và gia đình được khỏe mạnh bên nhau.

Hãy để Bảo hiểm **Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7** của Daiichi Life Việt Nam đồng hành cùng bạn chăm sóc sức khỏe và bảo vệ tài chính cho bản thân và gia đình, giúp bạn an tâm tận hưởng cuộc sống và hiện thực hóa những ước mơ trong đời.



## **BẢO VỆ TOÀN CẦU, CHI PHÍ HỢP LÝ**

Chi phí hợp lý, bảo vệ toàn cầu với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm.



## **QUYỀN LỢI LÊN ĐẾN 2 TỶ ĐỒNG**

Chi trả lên đến 2 tỷ đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.



## **MỞ RỘNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ UNG THƯ**

Chi trả chi phí Điều trị ung thư bao gồm cả liệu pháp miễn dịch và trúng đích.



## **CHI TRẢ TIỀN PHÒNG 100 NGÀY/BỆNH/NĂM**

Chi trả chi phí tiền phòng và tiền phòng Chăm sóc đặc biệt lên đến 100 ngày/bệnh/năm.



# CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM - LINH HOẠT THEO NHU CẦU

Với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm (gồm Quyền lợi Điều trị nội trú và Quyền lợi lựa chọn thêm) sẽ bảo vệ sức khỏe của bạn và gia đình trước mỗi Bệnh/Thương tật trong suốt thời gian tham gia.



|                                                                                                          |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>24/7</div> <div><b>CƠ BẢN</b><br/>- Prime -</div> <div>150 TRIỆU</div> <div> Điều trị nội trú</div> | <div><b>PHỔ THÔNG</b><br/>- Classic -</div> <div>300 TRIỆU</div> <div> Điều trị nội trú<br/> Quyền lợi lựa chọn thêm:<br/>• Điều trị ngoại trú</div> | <div><b>ĐẶC BIỆT</b><br/>- Superior -</div> <div>600 TRIỆU</div> <div> Điều trị nội trú<br/> Quyền lợi lựa chọn thêm:<br/>• Điều trị ngoại trú</div> | <div><b>CAO CẤP</b><br/>- Elite -</div> <div>1 TỶ</div> <div> Điều trị nội trú<br/> Quyền lợi lựa chọn thêm:<br/>• Điều trị ngoại trú<br/>• Chăm sóc răng</div> | <div><b>THỊNH VƯỢNG</b><br/>- Super Elite -</div> <div>2 TỶ</div> <div> Điều trị nội trú<br/> Quyền lợi lựa chọn thêm:<br/>• Điều trị ngoại trú<br/>• Chăm sóc răng</div> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



Đơn vị: Đồng

# QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Đồng

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM                                                                                               | CƠ BẢN<br>- Prime -                                    | PHỔ THÔNG<br>- Classic - | ĐẶC BIỆT<br>- Superior - | CAO CẤP<br>- Elite - | THỊNH VƯỢNG<br>- Super Elite - |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------------|
| Quyền lợi tối đa một Bệnh/Thương tật<br>(áp dụng cho Quyền lợi Điều trị nội trú và<br>Quyền lợi Điều trị ngoại trú) | 150 triệu                                              | 300 triệu                | 600 triệu                | 1 tỷ                 | 2 tỷ                           |
| trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này                                                                          |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ                                                                                       |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| Phạm vi địa lý                                                                                                      | Toàn cầu                                               |                          |                          |                      |                                |
| Đồng chi trả                                                                                                        | 30% hoặc 20% hoặc 0% ghi trên giấy Chứng nhận bảo hiểm |                          |                          |                      |                                |
| 1. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ                                                                                                 |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| 1.1. Chi phí Phẫu thuật nội trú                                                                                     |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| a. Mỗi cuộc Phẫu thuật cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                                      | 12,5 triệu                                             | 25 triệu                 | 50 triệu                 | 75 triệu             | 125 triệu                      |
| b. Mỗi Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                                         | 25 triệu                                               | 50 triệu                 | 100 triệu                | 150 triệu            | 250 triệu                      |
| 1.2. Tiền phòng/Ngày nằm viện                                                                                       |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 750 nghìn                                              | 1,5 triệu                | 2,5 triệu                | 3 triệu              | 6 triệu                        |
| Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                       |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| 1.3. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/<br>Ngày nằm viện                                                           |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 1,05 triệu                                             | 2,1 triệu                | 3,15 triệu               | 5,25 triệu           | Chi phí y tế<br>thực tế        |
| Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                       |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| 1.4. Tiền giường cho người thân/Ngày nằm viện<br>(khi chăm sóc Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)                    |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 250 nghìn                                              | 500 nghìn                | 750 nghìn                | 1 triệu              | 1,25 triệu                     |
| Tối đa 10 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                        |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| 1.5. Chi phí Điều dưỡng tại nhà/ngày                                                                                |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 125 nghìn                                              | 250 nghìn                | 350 nghìn                | 500 nghìn            | 750 nghìn                      |
| Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                                 |                                                        |                          |                          |                      |                                |
| 1.6. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng                                                                           |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 1 triệu                                                | 2 triệu                  | 4 triệu                  | 6 triệu              | 10 triệu                       |
| 1.7. Chi phí Điều trị nội trú khác/Năm hợp đồng<br>cho mỗi Bệnh/Thương tật                                          |                                                        |                          |                          |                      |                                |
|                                                                                                                     | 10 triệu                                               | 20 triệu                 | 40 triệu                 | 60 triệu             | 100 triệu                      |

# QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Đồng

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                           | CƠ BẢN<br>- Prime -                                                                                             | PHỔ THÔNG<br>- Classic - | ĐẶC BIỆT<br>- Superior - | CAO CẤP<br>- Elite - | THỊNH VƯỢNG<br>- Super Elite - |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------------|
| 2. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ, ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY VÀ ĐIỀU TRỊ CẤP CỨU                                                                                                                                                                  |                                                                                                                 |                          |                          |                      |                                |
| 2.1. Phẫu thuật ngoại trú/Phẫu thuật trong ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                                                                                                            | 2,5 triệu                                                                                                       | 5 triệu                  | 10 triệu                 | 15 triệu             | 25 triệu                       |
| 2.2. Chạy thận nhân tạo/Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                            | Không áp dụng                                                                                                   | 5 triệu                  | 10 triệu                 | 15 triệu             | 25 triệu                       |
| 2.3. Cấp cứu do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật                                                                                                                                                                         | 1,05 triệu                                                                                                      | 2,1 triệu                | 5,25 triệu               | 10,5 triệu           | 15 triệu                       |
| 2.4. Tổn thương răng do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật                                                                                                                                                                 | 1,5 triệu                                                                                                       | 3 triệu                  | 5 triệu                  | 7,5 triệu            | 10 triệu                       |
| 2.5. Chi phí xe cấp cứu/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật                                                                                                                                                                    | 1,5 triệu                                                                                                       | 3 triệu                  | 5 triệu                  | Chi phí y tế thực tế |                                |
| 3. ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT (bao gồm Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, Điều trị trong ngày)                                                                                                                                        |                                                                                                                 |                          |                          |                      |                                |
| 3.1. Điều trị ung thư                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                 |                          |                          |                      |                                |
| a. Chi phí điều trị hóa trị (tiêm và truyền) và xạ trị                                                                                                                                                                          | Chi phí y tế thực tế                                                                                            |                          |                          |                      |                                |
| b. Chi phí điều trị liệu pháp miễn dịch (tiêm và truyền) và trúng đích (tiêm và truyền)/Năm hợp đồng                                                                                                                            | 10 triệu                                                                                                        | 20 triệu                 | 40 triệu                 | 60 triệu             | 100 triệu                      |
| c. Chi phí Điều trị nội trú                                                                                                                                                                                                     | Theo Mức giới hạn phụ của mục 1. Điều trị nội trú                                                               |                          |                          |                      |                                |
| 3.2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm/cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này | 75 triệu                                                                                                        | 150 triệu                | 300 triệu                | 500 triệu            | 1 tỷ                           |
|                                                                                                                                                                                                                                 | Chi phí y tế của người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này. |                          |                          |                      |                                |
| 3.3. Điều trị Tình trạng bẩm sinh/di truyền trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này                                                                                                                                          | Không áp dụng                                                                                                   | 15 triệu                 | 25 triệu                 | 35 triệu             | 55 triệu                       |
| 3.4. Điều trị Biến chứng thai sản/lần mang thai                                                                                                                                                                                 | Không áp dụng                                                                                                   | 15 triệu                 | 25 triệu                 | 35 triệu             | 55 triệu                       |

# QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(Tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm)

Đơn vị: Đồng

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM                                                                                                                              |                  | CƠ BẢN<br>- Prime - | PHỔ THÔNG<br>- Classic - | ĐẶC BIỆT<br>- Superior - | CAO CẤP<br>- Elite - | THỊNH VƯỢNG<br>- Super Elite - |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------------|
| B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ                                                                                                                    |                  |                     |                          |                          |                      |                                |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                     | Không<br>áp dụng | Việt Nam            |                          |                          |                      |                                |
| Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng                                                                                                                  |                  | 5 triệu             | 10 triệu                 | 15 triệu                 | 25 triệu             |                                |
| 1. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại/<br>Lần khám                                                                                     |                  | 1 triệu             | 2 triệu                  | 4 triệu                  | 6,5 triệu            |                                |
| 2. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học thay thế/<br>Năm hợp đồng                                                                                 |                  | 1,5 triệu           | 2,5 triệu                | 4 triệu                  | 6,5 triệu            |                                |
| C. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG                                                                                                                         |                  |                     |                          |                          |                      |                                |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                     | Không áp dụng    |                     |                          | Việt Nam                 |                      |                                |
| Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng                                                                                                                  |                  |                     |                          | 10,5 triệu               | 17,5 triệu           |                                |
| 1. Chi phí cạo vôi răng/Năm hợp đồng                                                                                                               |                  |                     |                          | 1 triệu                  | 1,5 triệu            |                                |
| 2. Chi phí Điều trị nha khoa khác<br>(không bao gồm chi phí cầu răng, implant, răng giả<br>tháo lắp, flipper, trám răng bằng vàng và kim loại quý) |                  |                     |                          | Chi phí y tế thực tế     |                      |                                |



# ĐIỀU KIỆN THAM GIA



## Tuổi tham gia

- Quyền lợi Điều trị nội trú:  
Từ 30 ngày tuổi - 65 tuổi
- Quyền lợi Điều trị ngoại trú  
& Quyền lợi Chăm sóc răng:  
Từ 30 ngày tuổi - 60 tuổi



## Tuổi tối đa kết thúc bảo hiểm

- Quyền lợi Điều trị nội trú: 75 tuổi
- Quyền lợi Điều trị ngoại trú  
& Quyền lợi Chăm sóc răng: 65 tuổi

Tài liệu này chỉ nhằm giới thiệu sản phẩm, khách hàng vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm tại [www.daiichilife.com.vn](http://www.daiichilife.com.vn) để biết thêm chi tiết.



## Thời hạn hợp đồng

- Một năm và cần gia hạn hợp đồng hàng năm



## Phí bảo hiểm

- Phí bảo hiểm thay đổi mỗi năm theo tuổi thực tế của Khách hàng

# DỊCH VỤ BẢO LÃNH VIỆN PHÍ TẠI VIỆT NAM VÀ TRÊN THẾ GIỚI



Dịch vụ bảo lãnh viện phí được cung cấp bởi Daiichi Life Việt Nam.

Vui lòng tham khảo danh sách bảo lãnh viện phí bằng cách quét **mã QR** hoặc truy cập [www.daiichilife.com.vn](http://www.daiichilife.com.vn).

Người được bảo hiểm vui lòng mang theo thẻ Chăm Sóc Sức Khỏe Daiichi Life (thẻ vật lý hoặc thẻ điện tử trên Daiichi Connect) cùng giấy tờ tùy thân và xuất trình cho bệnh viện khi sử dụng dịch vụ này.



# ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

**Daiichi Life Việt Nam** sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm phát sinh từ, liên quan đến hay là hậu quả của các trường hợp sau đây:

1. (Các) Bệnh có sẵn của Người được bảo hiểm, trừ các Bệnh có sẵn đã khai báo và được Daiichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm.
2. Chi phí thăm khám, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc men, thủ thuật, chỉ định y khoa, trang thiết bị, vật tư y tế không liên quan đến chẩn đoán và điều trị Bệnh/Thương tật của Người được bảo hiểm, hoặc không thỏa Cần thiết và hợp lý về mặt y tế, hoặc nhằm mục đích tầm soát kiểm tra.
3. Tất cả các chi phí phục vụ chẩn đoán và điều trị y tế liên quan đến:
  - Suy nhược thần kinh, rối loạn biếng ăn, rối loạn giấc ngủ, rối loạn tâm thần, rối loạn lo âu, rối loạn nhân cách, rối loạn về nói, tự kỷ, stress (căng thẳng); các tình trạng rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD), động kinh, tràn dịch não thất/não úng thủy nguyên phát;
  - Vẹo vách ngăn mũi, dính thắng lưỡi, chẻ vòm, hở hàm ếch, bao quy đầu;
  - Tật khúc xạ, lão thị, lác mắt (lé), sụp mí;
  - Phương pháp thẩm mỹ xâm lấn hoặc không xâm lấn hoặc xâm lấn tối thiểu, phẫu thuật tái tạo, phẫu thuật tạo hình (ngoại trừ việc điều trị liên quan đến Tai nạn) và các biến chứng của các phương pháp này; điều trị thẩm mỹ các vấn đề về da, viêm nang lông (trứng cá), rôm da (hay nám da, sạm da), tàn nhang, tăng/giảm hoặc rối loạn sắc tố da, mụn thịt, sẹo, gàu, các vấn đề về rụng tóc;
  - Thay đổi cân nặng, béo phì, suy nhược cơ thể, suy dinh dưỡng;
  - Thai sản, sinh con (sinh thường, sinh mổ), sảy thai dưới 20 tuần, phá thai (ngoại trừ trường hợp thỏa điều kiện chi trả Quyền lợi Điều trị Biến chứng thai sản); ngừa thai; vô sinh; rối loạn chức năng tình dục, rối loạn sinh lý, dậy thì sớm, dậy thì muộn, thay đổi giới tính, mãn kinh, tiền mãn kinh;
  - Biến chứng thai sản, Tình trạng bẩm sinh, khuyết tật khi sinh đối với Chương trình bảo hiểm Cơ Bản;
  - Điều trị nha khoa đối với Chương trình bảo hiểm Cơ Bản/Phổ Thông/Đặc Biệt (ngoại trừ Điều trị nha khoa thỏa điều kiện chi trả quyền lợi Điều trị tổn thương răng do Tai nạn);
  - Việc sử dụng rượu, bia, chất có cồn, thuốc lá, ma túy, bóng cười, thuốc gây mê, bất kỳ chất gây nghiện, dược chất gây nghiện, thuốc độc, hóa chất độc, nguyên liệu độc làm thuốc theo danh mục được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp việc sử dụng thuốc theo chỉ định của Bác sĩ;
  - Bệnh thuộc danh sách bệnh lây truyền qua đường tình dục bao gồm giang mai, bệnh lậu, nhiễm Chlamydia sinh dục – tiết niệu, hạ cam, hột xoài, u hạt ben hoa liễu, sùi mào gà, Herpes sinh dục, u mềm lây, nhiễm Cytomegalovirus, bệnh trùng roi sinh dục, rận mu; chẩn đoán và điều trị nhiễm HIV/AIDS (hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) và các bệnh liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ của mình tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát.
4. Sử dụng dược chất/thuốc không có số đăng ký thuốc; dược chất/thuốc có số đăng ký là mỹ phẩm hoặc thực phẩm chức năng, vitamin, khoáng chất, nước mắt nhân tạo, sữa, chất dinh dưỡng bổ trợ.
5. Điều trị bằng Y học thay thế đối với Quyền lợi Điều trị nội trú.
6. Khám sức khỏe tổng quát; điều trị liên quan đến chăm sóc dưỡng bệnh, điều dưỡng, tinh dưỡng; điều trị hoặc phòng ngừa để giảm nhẹ các triệu chứng thông thường liên quan đến tuổi già; điều trị phòng ngừa, tiêm chủng, và các biến chứng, ngoại trừ vắc xin bệnh dại sau khi bị động vật tấn công hoặc chích ngừa uốn ván sau khi bị Tai nạn.
7. Điều trị liên quan đến hành vi tự tử, sử dụng thuốc không theo chỉ định của Bác sĩ, tự gây thương tích (dù đang trong tình trạng tinh thần hay không).
8. Tất cả Thương tật phát sinh từ hành động của Người được bảo hiểm có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá trị số bình thường theo quy định hiện hành của Bộ Y tế tại thời điểm xảy ra Thương tật; hoặc Thương tật do hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội theo quy định Bộ luật hình sự, hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy (bao gồm bị truy cứu trách nhiệm và không bị truy cứu trách nhiệm); hoặc Thương tật do các hành vi tham gia ẩu đả của Người được bảo hiểm, trừ khi chứng minh được đó là hành động cứu người hoặc phòng vệ chính đáng.
9. Thương tật khi Người được bảo hiểm tham gia Hoạt động thể thao mạo hiểm, thể thao chuyên nghiệp (bao gồm cả việc luyện tập cho môn thể thao đó).

## GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tòa nhà trụ sở chính Tập đoàn Daiichi Life tại Tokyo, Nhật Bản.

### ■ TẬP ĐOÀN DAIICHI LIFE

Tiền thân của Tập đoàn Daiichi Life là Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tương hỗ Dai-ichi được thành lập vào năm 1902 và là công ty bảo hiểm nhân thọ tương hỗ đầu tiên của Nhật Bản. Công ty sau đó chuyển đổi từ tương hỗ sang mô hình cổ phần hóa, niêm yết trên thị trường chứng khoán Tokyo vào năm 2010 và chuyển thành cơ cấu công ty cổ phần vào năm 2016 (Dai-ichi Life Holdings Inc.).

Vào ngày 1/4/2026, Dai-ichi Life Holdings Inc. chính thức công bố thay đổi tên gọi mới - Daiichi Life Group Inc., và bộ nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu bước chuyển mình chiến lược, hướng đến mục tiêu trở thành “Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu trên toàn cầu” vào năm 2030.

Tập đoàn Daiichi Life sở hữu tổng giá trị tài sản hơn **463 tỷ** đô-la Mỹ, doanh thu phí bảo hiểm đạt hơn **43 tỷ** đô-la Mỹ (tính đến ngày 31/3/2026), đạt vị trí **Top 2** về tổng doanh thu phí bảo hiểm tại Nhật Bản.

Ngoài Việt Nam, Tập đoàn Daiichi Life đã mở rộng hoạt động kinh doanh BHNT sang Ấn Độ, Úc, Indonesia, Campuchia, Myanmar, New Zealand và Mỹ. Tập đoàn Daiichi Life đã mở Trụ sở Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tại Singapore và Trụ sở Khu vực Bắc Mỹ tại New York.

### ■ CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAIICHI VIỆT NAM

Là thành viên của Tập đoàn Daiichi Life, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Daiichi Việt Nam (Daiichi Life Việt Nam) được thành lập vào tháng 1/2007 và là thị trường nước ngoài đầu tiên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn.

Trải qua 19 năm hình thành và phát triển, đến năm 2025, Daiichi Life Việt Nam đã trở thành một trong những doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường Việt Nam về tổng doanh thu phí bảo hiểm<sup>(\*)</sup>. Công ty vinh dự phục vụ hơn **5,2 triệu** khách hàng, thông qua mạng lưới hơn **200** văn phòng và tổng đại lý trên toàn quốc (tính đến ngày 30/6/2026).

Với sứ mệnh trở thành người bạn đồng hành kiên định, Daiichi Life Việt Nam nỗ lực không ngừng vì tương lai an tâm hạnh phúc của người dân Việt, đồng thời mang đến giá trị tốt đẹp cho cộng đồng xã hội và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển nền kinh tế Việt Nam.

(\*) Theo Bản tin thị trường bảo hiểm toàn cầu số 1 (166) ngày 30/1/2026 của Bộ Tài chính.



#### TẬN HƯỞNG TIỆN ÍCH

### Daiichi Connect

- Dễ dàng thao tác
- Giao dịch **mọi lúc mọi nơi**
- Tận hưởng điểm thưởng **nhANH CHóng**

#### TẢI ỨNG DỤNG DAIICHI CONNECT TẠI ĐÂY:



Ngoài ra, khách hàng có thể truy cập Cổng thông tin Khách hàng tại <http://kh.daiichilife.com.vn> để truy vấn hợp đồng và thực hiện giao dịch.

### CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAIICHI VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà Daiichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 3810 0888 | [www.daiichilife.com.vn](http://www.daiichilife.com.vn)